

Thứ ba, ngày 12 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đà tăng chậm lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/5/2020	•		
Tuần 11/5-15/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trái ngược với 4 phiên tăng điểm gần nhất, thị trường mở cửa với mức giảm điểm mạnh do áp lực chốt lãi ngắn hạn lan tỏa trong đầu phiên sáng. Nhưng lực mua tăng dần theo thời gian, khiến thị trường đảo chiều và kết thúc phiên với mức tăng gần 7 điểm. Khối ngoại mua ròng trở lại trong phiên giao dịch hôm nay tập trung chủ yếu ở mã cổ phiếu VNM. Dòng tiền thị trường hôm nay vẫn lan tỏa vào khá nhiều nhóm ngành và tăng mạnh ở nhóm Dệt May (TNG, MSH, TCM và VGT đều tăng trần) do có tin tức Hiệp định EVFTA sẽ được Quốc hội hợp phê chuẩn vào ngày 20/05. Thanh khoản duy trì ở mức cao, biên độ giao dịch thu hẹp và độ rộng thị trường tích cực cũng cho thấy hoạt động giao dịch diễn ra khá tập nập. Đà tăng điểm thu hẹp lại cùng với thanh khoản duy trì ở mức cao sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp cho thấy dấu hiệu gia tăng ban đầu của các hoạt động chốt lãi. VN-Index nhiều khả năng sẽ có thể điều chỉnh trong một –hai phiên tới và vận động tích lũy ngắn hạn trong vùng giá 800-850 điểm trong các phiên giao dịch tới. Ngoài ra, sau giờ giao dịch NHNN cũng vừa công bố một loạt các quyết định cắt giảm lãi suất điều hành và bắt đầu có hiệu lực vào ngày 13/05/2020. Tác động của các quyết định này sẽ cải thiện một phần nhỏ lợi nhuận của các nhóm ngân hàng.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/05/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước và năng lượng_2.1%

Phân tích kỹ thuật: BVH_ Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Báo cáo ngắn_ NHNN cắt giảm lãi suất điều hành(Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index +6.99 điểm, đóng cửa 835.32. HNX-Index +0.21 điểm, đóng cửa 111.78.
- Kéo chỉ số tăng: VNM (+2.67); VCB (+1.17; PLX (+0.46); CTG (+0.43); TCB (+0.40).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-0.48); MSN (-0.37); NVL (-0.36); HPG (-0.24); MWG (-0.22).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 5,041 tỷ đồng, tăng +12.4% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 16.29 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 202 mã tăng, 73 mã tham chiếu và 106 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 94.61 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VNM (154.96 tỷ), VCB (65.55 tỷ) và VPB (58.34 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -3.56 tỷ đồng.

VN-INDEX 835.32

Giá trị: 5041 tỷ

6.99 (0.84%)

Khối ngoại (ròng): 94.61 tỷ

HNX-INDEX 111.78

Giá trị: 459.71 tỷ

0.21 (0.19%)

Khối ngoại (ròng): -3.56 tỷ

UPCOM-INDEX 53.63

Giá trị: 0.28 tỷ

0.14 (0.26%)

Khối ngoại (ròng): -22.57 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	24.8	2.90%
Giá vàng	1,706	0.46%
Tỷ giá USD/VND	23,396	0.33%
Tỷ giá EUR/VND	25,167	-0.60%
Tỷ giá JPY/VND	21,705	0.17%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	3.96%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-0.43%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	155.0	VIC	48.4
VCB	65.6	HRC	36.2
VPB	58.3	VRE	32.5
KDH	49.4	POW	31.2
VNM	11.0	BVH	22.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Báo cáo ngắn	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_2.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	19/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Nước & Năng lượng	2.1%	3.1%	4.5%	27.0%	-9.9%	-9.9%	22.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.0%	4.4%	8.3%	31.3%	-12.7%	-12.7%	17.7%
Xây dựng	1.9%	2.1%	6.4%	32.2%	-9.3%	-9.3%	22.1%
VN Diamond	1.8%	4.6%	9.4%	32.6%	-12.7%	-12.7%	22.1%
Chiến tranh thương mại	1.6%	3.9%	7.2%	40.2%	-11.2%	-11.2%	17.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.5%	3.3%	9.1%	27.9%	-15.6%	-15.6%	22.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.5%	2.0%	4.0%	27.7%	-0.7%	-0.7%	15.6%
Hàng tiêu dùng	1.4%	3.8%	7.3%	43.6%	-7.4%	-7.4%	15.6%
VN FinSelect	1.3%	4.5%	11.5%	28.4%	-10.2%	-10.2%	22.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.3%	2.9%	6.1%	24.1%	-14.0%	-14.0%	22.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	3.8%	6.9%	33.7%	-9.4%	-9.4%	22.7%
Lãi suất giảm	1.2%	2.7%	6.1%	36.7%	-9.8%	-9.8%	19.2%
Corona Avengers	1.1%	4.1%	8.5%	44.8%	-4.6%	-4.6%	15.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.1%	3.3%	9.2%	35.4%	-13.5%	-13.5%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.1%	2.6%	7.3%	28.5%	-11.4%	-11.4%	17.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.0%	3.9%	11.2%	29.2%	-10.6%	-10.6%	17.7%
Vật liệu Xây dựng	1.0%	1.5%	5.8%	36.9%	-7.3%	-7.3%	22.1%
FTSE Việt Nam	0.9%	2.7%	9.9%	24.1%	-11.3%	-11.3%	15.6%
Ngân Hàng	0.9%	3.6%	10.1%	26.6%	-8.9%	-8.9%	22.1%
Dầu khí	0.8%	4.9%	9.1%	39.8%	-24.4%	-24.4%	15.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.7%	2.7%	9.3%	26.2%	-11.3%	-11.3%	22.1%
Cổ phiếu ngành Dược	0.0%	0.8%	1.4%	17.2%	-6.2%	-6.2%	17.7%
Stay-at-home	-0.3%	1.0%	2.6%	32.7%	-3.8%	-3.8%	22.1%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	2.2%	3.9%	6.9%	27.9%	-11.4%	-11.4%	17.4%
M12	2.2%	3.9%	9.1%	26.8%	-9.5%	-9.5%	20.0%
L22	2.1%	4.2%	6.6%	35.5%	-11.1%	-11.1%	19.6%
M31	2.0%	4.4%	8.7%	30.3%	-11.0%	-11.0%	21.0%
S11	1.4%	3.3%	8.4%	25.0%	-4.4%	-4.4%	18.8%
S32	1.2%	3.6%	8.9%	41.5%	-17.0%	-17.0%	22.2%
S21	0.9%	3.3%	6.4%	30.7%	-11.5%	-11.5%	19.9%
L32	0.8%	3.2%	7.4%	40.6%	-14.8%	-14.8%	20.9%
M22	0.8%	2.0%	8.5%	30.8%	-8.1%	-8.1%	18.8%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	2.5%	4.1%	8.4%	24.2%	-8.4%	-8.4%	17.1%
MID1	1.3%	3.9%	7.4%	34.1%	-3.5%	-3.5%	17.4%
HIGH3	0.8%	2.2%	5.3%	32.9%	-5.3%	-5.3%	18.9%
INDEX							
VNINDEX	0.8%	2.7%	8.6%	26.1%	-13.1%	-13.1%	16.9%
VN30INDEX	0.7%	2.9%	9.4%	28.1%	-11.0%	-11.0%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	19	4	17	6	9	14
Mục tiêu	9	7	2	8	1	3	6
Rủi ro	3	2	1	2	1	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

BVH_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh bolinger trên.

Nhận định: BVH đang hình thành xu hướng tăng giá sau khi tạo ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh ngưỡng giá 45. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. BVH nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 65 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 50, chốt lãi tại quanh ngưỡng giá 65 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 45.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưởng phần

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 12/5/2020

*Mặt hàng	ĐVT	12/05/2020	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	24.45	1.28%	-0.40%	-15.20%	-58.45%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	29.75	0.40%	-3.90%	-13.00%	-55.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	93.11	0.75%	3.30%	25.70%	-50.14%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1699.91	0.12%	-0.30%	0.20%	32.30%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.46	-0.19%	3.30%	-0.70%	6.15%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	851.75	-0.38%	1.50%	-2.20%	-2.99%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	513.25	-0.77%	-1.40%	-7.90%	6.10%		AFX
Sữa	USD /cwt	14.63	1.39%	7.30%	14.10%	-10.96%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	153.20	0.26%	1.20%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.12	-1.65%	-2.70%	-2.60%	-24.25%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.75	-0.81%	3.30%	-8.40%	5.88%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5257.00	-0.32%	2.90%	7.60%	-12.54%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3451.00	-0.03%	2.70%	6.60%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1497.50	0.84%	0.70%	1.70%	-17.22%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	632.50	0.08%	3.70%	10.80%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.35	0.85%	3.70%	-11.00%	-35.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 giảm 1.34 USD (4.3%) xuống 29.63 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 giảm 60 US cent (2.4%) xuống 24.14 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên giao dịch đầu tiên của tuần này vì nhà đầu tư lo ngại sẽ xảy ra một làn sóng lây nhiễm virus SARS-CoV-2 thứ 2.
- Bộ Năng lượng Saudi Arabia đã chỉ đạo công ty dầu khí quốc gia Saudi Aramco giảm sản lượng thêm 1 triệu thùng dầu thô mỗi ngày kể từ tháng 6 tới, dự báo sẽ làm tăng hiệu quả của chính sách kiểm chế sản xuất, sau khi OPEC+ thực thi cắt giảm khoảng 10 triệu thùng/ngày kể từ 1/5/2020. Việc này làm hạn chế mức giảm giá trong phiên vừa qua. Chính phủ Kazakhstan cũng đã ký sắc lệnh cắt giảm sản lượng dầu từ tháng 5 trở đi theo thỏa thuận OPEC+ đạt được hồi tháng trước.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.3% xuống 1,695 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 0.9% xuống 1,698 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch vừa qua khi USD hưởng lợi và tăng giá bởi nhà đầu tư mua mạnh vì lo sợ sẽ xảy ra làn sóng lây nhiễm Covid-19 thứ 2.

Giá sắt thép

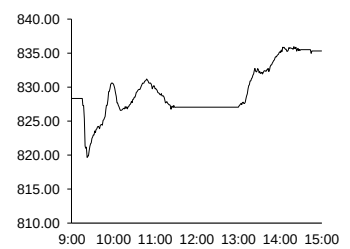
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 giảm 0.1% xuống 3,452 CNY/tấn, trong khi thép cuộn cán nóng tăng phiên thứ 6 liên tiếp, thêm 0.03% lên 3,329 CNY/tấn.
- Hãng sản xuất thép hàng đầu Trung Quốc – Baoshan Iron & Steel Co Ltd – thông báo sẽ nâng giá thép cuộn cán nóng thêm 50 CNY (7.06 USD)/tấn kể từ tháng 6 tới.
- Doanh số bán ô tô của Trung Quốc tháng 4/2020 tăng lần đầu tiên trong vòng gần 2 năm khi nền kinh tế dần hồi phục

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn TOCOM tăng nhẹ 0.1 JPY lên 152.8 JPY (1.43 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 25 CNY xuống 10,335 CNY (1,459 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo phiên đầu tuần gần như không thay đổi so với phiên giao dịch trước đó do lo ngại nhu cầu lốp xe giảm sút, mặc dù các nhà đầu tư bắt đầu hy vọng về việc nhiều quốc gia đang mở cửa trở lại nền kinh tế của mình sau giai đoạn phong tỏa chống Covid-19. Australia, Pháp và Tây Ban Nha bắt đầu nới lỏng những chính sách giãn cách xã hội, trong khi Anh – nước có số ca tử vong vì Covid-19 cao thứ 2 thế giới – cũng đã đưa ra một số chính sách nới lỏng các hạn chế.
- Doanh số bán ô tô của Trung Quốc tháng 4/2020 tăng lần đầu tiên trong vòng 2 năm, nhưng doanh số bán trong cả năm 2020 chắc chắn sẽ giảm khoảng 25% nếu dịch bệnh còn tiếp diễn

Hình 1

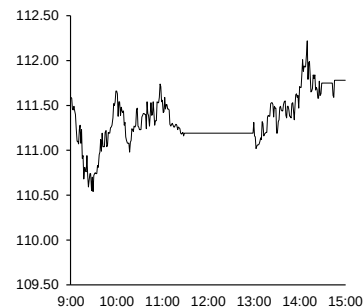
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

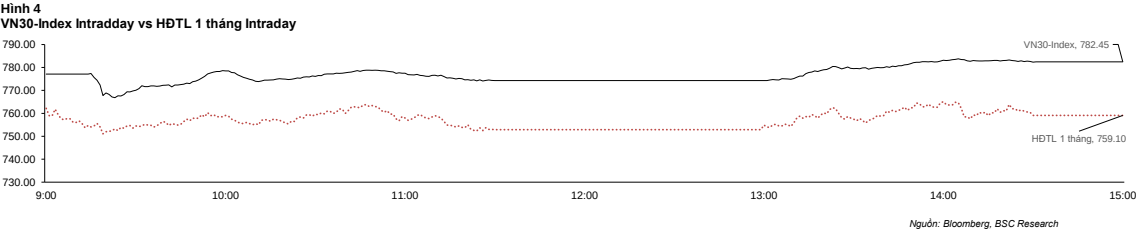
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-1.65%
Tài nguyên Cơ bản	-0.94%
Bất động sản	-0.23%
Du lịch và Giải trí	-0.20%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.33%
Ô tô và phụ tùng	0.35%
Truyền thông	0.59%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.60%
Công nghệ Thông tin	0.69%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.75%
Xây dựng và Vật liệu	0.99%
Ngân hàng	1.08%
Dịch vụ tài chính	1.22%
Hóa chất	1.83%
Thực phẩm và đồ uống	1.99%
Bảo hiểm	2.46%
Dầu khí	2.57%
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.60%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	759.10	-0.41%	-23.35	8.2%	261,592	5/21/2020	11
VN30F2006	749.80	-0.52%	-32.65	-22.0%	1,246	6/18/2020	39
VN30F2009	740.50	-0.60%	-41.95	-37.5%	162	9/17/2020	130
VN30F2012	739.00	-0.87%	-43.45	-73.8%	43	12/17/2020	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +5.32 điểm lên mức 782.45 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, PNJ, MBB, và VCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 điều chỉnh giảm đầu phiên sáng xuống dưới 770 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại tăng tích cực lên trên 780 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể tiếp tục vận động tăng lên 795 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2006 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2001	HSC	6/22/2020	41	10:1	446,070	97.8%	5.0 triệu	30.06%	1,700	500	51.52%	279.60	1.79
CTCB2001	HSC	6/22/2020	41	2:1	253,310	-49.8%	5.0 triệu	34.63%	1,700	360	44.00%	125.60	2.87
CVNM2002	KIS	12/16/2020	218	5:1	53,380	545.5%	3.0 triệu	30.06%	3,200	1,900	26.67%	695.30	2.73
CDPM2002	KIS	12/16/2020	218	1:1	59,330	0.8%	2.0 triệu	38.11%	1,700	2,810	22.71%	1,693.80	1.66
CMBB2003	SSI	11/9/2020	181	1:1	50,700	74.2%	3.0 triệu	32.80%	2,000	2,250	16.58%	1,415.60	1.59
CMBB2002	SSI	8/10/2020	90	1:1	125,590	94.0%	3.0 triệu	32.80%	1,300	1,410	12.80%	864.60	1.63
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	71	1:1	197,580	-30.4%	1.5 triệu	41.60%	2,200	2,100	5.53%	3,035.90	0.69
CFPT1908	MBS	6/17/2020	36	3:1	125,250	-63.0%	2.4 triệu	31.70%	3,150	910	4.60%	829.60	1.10
CFPT2005	VND	7/1/2020	50	1:1	77,830	22.9%	1.0 triệu	31.70%	2,900	7,340	4.56%	6,273.60	1.17
CVPB2001	HSC	6/22/2020	41	2:1	637,020	-25.8%	5.0 triệu	41.60%	1,500	2,050	1.49%	2,139.00	0.96
CFPT2004	SSI	8/10/2020	90	1:1	45,900	72.4%	31.70%	31.70%	5,100	7,880	1.42%	6,333.90	1.24
CHDB2003	KIS	12/16/2020	218	2:1	81,320	-26.2%	2.0 triệu	34.99%	2,700	960	1.05%	209.50	4.58
CSTB2001	KIS	6/19/2020	38	1:1	407,370	45.1%	5.0 triệu	37.51%	1,500	330	0.00%	104.30	3.16
CFPT2003	SSI	11/9/2020	181	1:1	23,990	3.9%	2.0 triệu	31.70%	7,300	10,240	-0.78%	7,892.20	1.30
CVRE2003	KIS	12/16/2020	218	2:1	143,250	122.7%	3.0 triệu	39.32%	3,000	850	-1.16%	232.10	3.66
CHPG2002	KIS	12/16/2020	218	2:1	140,440	83.3%	3.0 triệu	33.36%	1,700	1,180	-3.28%	396.20	2.98
CHPG2007	KIS	7/16/2020	65	1:1	1,500	-81.3%	2.5 triệu	33.36%	1,660	3,090	-4.04%	1,769.00	1.75
CNVL2001	KIS	12/16/2020	218	4:1	105,680	281.1%	2.0 triệu	17.00%	2,300	1,270	-6.62%	57.90	21.93
CHPG2001	HSC	6/30/2020	49	2:1	230,300	-37.3%	5.0 triệu	33.36%	1,800	940	-6.93%	530.60	1.77
CTCB1902	VND	6/5/2020	24	1:1	125,240	1.5%	2.0 triệu	34.63%	5,300	650	-7.14%	580.30	1.12
CHPG2004	SSI	6/15/2020	34	1:1	338,940	23.9%	5.0 triệu	33.36%	2,800	1,440	-8.28%	1,087.30	1.32
Tổng:					3,669,990		64.40 triệu	33.59%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/05/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CHPG2006 và CPNJ2002 tăng mạnh lần lượt là 34.29% và 30.49%. Giá trị giao dịch giảm -7.44%. CVPB2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.18% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	113.90	4.98	4.00
TCB	20.60	1.98	1.19
PNJ	63.80	6.87	0.97
MBB	17.20	2.38	0.76
VCB	75.60	1.48	0.59

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	62.0	-1.74	-0.67
MWG	83.3	-2.00	-0.66
HPG	23.7	-1.25	-0.65
NVL	52.7	-2.41	-0.58
VJC	117.4	-1.01	-0.41

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2001	137,000	120,000	113,900
CTCB2001	26,400	23,000	20,600
CVNM2002	157,111	141,111	113,900
CDPM2002	16,952	15,252	14,750
CMBB2003	20,000	18,000	17,200
CMBB2002	19,300	18,000	17,200
CVPB2003	24,200	22,000	24,050
CFPT1908	63,450	54,000	54,400
CFPT2005	51,900	49,000	54,400
CVPB2001	23,000	20,000	24,050
CFPT2004	55,100	50,000	54,400
CHDB2003	37,523	32,123	22,700
CSTB2001	12,499	10,999	9,700
CFPT2003	57,300	50,000	54,400
CVRE2003	43,999	37,999	25,250
CHPG2002	33,399	29,999	23,650
CHPG2007	24,659	22,999	23,650
CNVL2001	75,088	65,888	52,700
CHPG2001	27,600	24,000	23,650
CTCB1902	26,300	21,000	20,600
CHPG2004	26,300	23,500	23,650

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành các QĐ giảm lãi suất

Cuối ngày 12/05, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành một loạt quyết định điều chỉnh các mức lãi suất, có hiệu lực từ ngày 13 tháng 5 năm 2020.

- NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn từ 5.0%/năm xuống 4.5%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 3.5%/năm xuống 3%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 6.0%/năm xuống 5.5%/năm, lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở từ 3.5%/năm xuống 3.0%/năm.
- Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 0.5%/năm xuống 0.2%/năm, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 4.75%/năm xuống 4.25%/năm.
- Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD giảm từ 5.5%/năm xuống 5.0%/năm.

Động thái giảm lãi suất điều hành của SBV đồng điệu với NHTW các nước khác trong khu vực và trên thế giới. NHTW Malaysia cắt giảm lãi suất điều hành -0.50% xuống 2% hôm 5/5. NHTW Trung Quốc cắt giảm lãi suất điều hành -0.20% xuống 3.85% hôm 20/4. FED duy trì lãi suất điều hành tại mức thấp 0-0.25% trong phiên họp hôm 29/4. Hôm 30/4, FED cũng tăng quy mô và phạm vi cho vay trong chương trình Main Street Lending Program, nhằm giúp những doanh nghiệp chịu tác động bởi Covid-19 tiếp cận dòng tín dụng giá rẻ. Bảng cân đối của FED tăng lên mức 6,770 tỷ USD trong tuần kết thúc hôm 6/5. Trong tháng qua, thị trường tài chính thế giới phục hồi mạnh mẽ. Tuy nhiên, nhiều nguy cơ tiềm ẩn gây biến động vẫn hiện hữu (v.d. diễn biến giá dầu). Đồng thời, điều kiện vĩ mô của các nước chủ chốt đều suy giảm mạnh do tác động của lệnh giãn cách, phòng chống dịch bệnh Covid-19, và khó có thể hồi phục nhanh chóng. Đáng ngại hơn, nguy cơ dịch bệnh tái bùng phát vẫn hiện hữu.

Như vậy, việc giảm lãi suất của NHNN phù hợp với điều kiện vĩ mô thế giới cùng điều kiện vĩ mô nội địa, khi lạm phát – hỗ trợ bởi giá dầu – giảm mạnh trong tháng 4 xuống 2.93% YoY. Tác động của việc cắt giảm lãi suất lên các ngành cổ phiếu giao dịch trên thị trường đã được BSC phân tích trong báo cáo “Ảnh hưởng của QĐ 1870 lên KTVM và TTCK” (Trang 9)

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.3	-2.0%	1.2	1,640	7.0	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.8	6.9%	1.3	625	6.3	5,248	12.2	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.8	3.4%	1.3	1,607	3.1	1,168	42.6	1.9	28.7%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.4	0.0%	0.5	295	0.0	2,092	14.5	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	97.0	-0.5%	0.9	14,265	3.2	2,095	46.3	4.1	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.3	-0.8%	1.1	2,495	4.0	1,226	20.6	2.1	31.2%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.7	-2.4%	0.8	2,222	2.3	3,584	14.7	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.3	2.0%	0.8	422	1.2	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	10.4	2.0%	1.4	235	1.9	2,289	4.5	0.8	39.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.2	0.4%	1.3	371	2.4	1,415	10.0	0.8	50.7%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.5	6.9%	1.0	160	1.5	4,240	5.3	0.9	33.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.1	-0.5%	1.7	240	1.8	1,480	12.2	1.3	54.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	54.4	0.7%	0.8	1,612	6.6	4,804	11.3	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	47.0	-3.1%	0.4	508	0.0	4,812	9.8	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.2	0.3%	1.4	6,091	3.6	5,820	12.6	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.6	2.8%	1.5	2,358	3.5	869	52.4	2.9	13.2%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.9	1.6%	1.5	268	2.9	1,777	7.3	0.5	13.6%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.4	1.6%	0.8	863	1.4	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.6	-0.4%	0.5	532	0.1	5,046	18.5	3.5	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.8	6.5%	0.6	251	3.1	1,006	14.7	0.7	14.6%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.5	6.9%	0.5	196	1.6	415	20.5	0.7	1.8%	3.7%
VCB	Ngân hàng	75.6	1.5%	1.2	12,191	7.2	4,848	15.6	3.3	23.5%	22.8%
BID	Ngân hàng	38.6	0.1%	1.5	6,741	2.7	2,140	18.0	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.7	1.9%	1.2	3,505	6.1	2,510	8.6	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.1	-0.2%	1.2	2,549	7.1	3,750	6.4	1.3	23.0%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.2	2.4%	1.1	1,803	8.8	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	21.8	0.5%	1.0	1,576	3.8	3,780	5.8	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	47.0	4.4%	0.8	167	0.8	5,303	8.9	1.5	79.2%	17.0%
NTP	Nhựa	35.4	5.7%	0.4	151	0.1	4,208	8.4	1.4	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	0.7%	0.6	637	0.0	356	41.6	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	23.7	-1.3%	1.1	2,839	10.8	2,764	8.6	1.3	36.7%	17.4%
HSG	Thép	8.4	7.0%	1.6	163	4.9	1,491	5.7	0.6	17.5%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	113.9	5.0%	0.7	8,624	14.2	5,453	20.9	6.6	58.4%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	173.5	0.2%	0.8	4,837	0.4	6,719	25.8	6.5	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	62.0	-1.7%	1.0	3,151	2.8	3,961	15.7	1.7	36.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.5	-2.0%	0.8	370	1.4	141	103.1	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	58.5	0.5%	0.8	5,537	1.0	3,450	17.0	3.5	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	117.4	-1.0%	1.1	2,674	2.3	7,110	16.5	4.1	18.7%	26.3%
HVN	Vận tải	27.0	0.2%	1.7	1,662	1.2	1,654	16.3	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	19.3	1.6%	0.9	249	0.5	1,583	12.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.7	1.4%	1.0	130	0.9	2,117	5.0	0.7	25.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.5	1.8%	1.0	449	1.3	9,201	7.2	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.9	-1.2%	0.7	329	0.1	1,453	11.6	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.5	-0.4%	1.0	224	0.2	1,938	7.0	0.9	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	69.0	4.1%	1.2	229	1.2	8,032	8.6	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.4	0.0%	0.4	488	0.1	1,498	17.0	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.4	3.3%	0.4	211	0.9	1,775	11.5	0.9	45.5%	8.5%
POW	Điện	10.4	2.5%	0.6	1,059	4.3	1,028	10.1	0.9	11.6%	9.4%
NT2	Điện	20.9	4.0%	0.5	262	0.7	2,543	8.2	1.4	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	113.90	4.98	2.69	2.94MLN
VCB	75.60	1.48	1.17	2.20MLN
PLX	45.55	2.82	0.46	1.80MLN
CTG	21.65	1.88	0.43	6.58MLN
TCB	20.60	1.98	0.40	3.56MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.48	770030.00	1.11MLN
MSN	0.00	-0.37	1.03MLN	607060.00
NVL	0.00	-0.36	979420.00	373600.00
HPG	0.00	-0.24	10.53MLN	192700.00
MWG	0.00	-0.22	1.94MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCL	21.40	7.00	0.01	35900.00
HSG	8.44	6.97	0.07	13.92MLN
HSL	5.99	6.96	0.00	143970.00
TLD	5.99	6.96	0.00	161280.00
HTL	14.60	6.96	0.00	790.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	8.32	-6.94	0.00	720.00
SPM	10.20	-6.85	0.00	5090.00
LM8	22.45	-6.85	0.00	30.00
BRC	10.25	-6.82	0.00	20.00
SC5	19.30	-6.54	-0.01	80.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.80	0.46	0.16	4.06MLN
NTP	35.40	5.67	0.07	55500.00
OCH	7.70	8.45	0.06	100.00
TNG	13.80	9.52	0.05	3.96MLN
PVS	12.90	1.57	0.05	5.17MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.30	-1.14	-0.27	1.54MLN
DL1	11.90	-9.85	-0.06	100.00
VIF	17.00	-7.10	-0.05	1300.00
VC3	16.20	-3.57	-0.04	195900.00
DNP	17.00	-2.86	-0.03	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

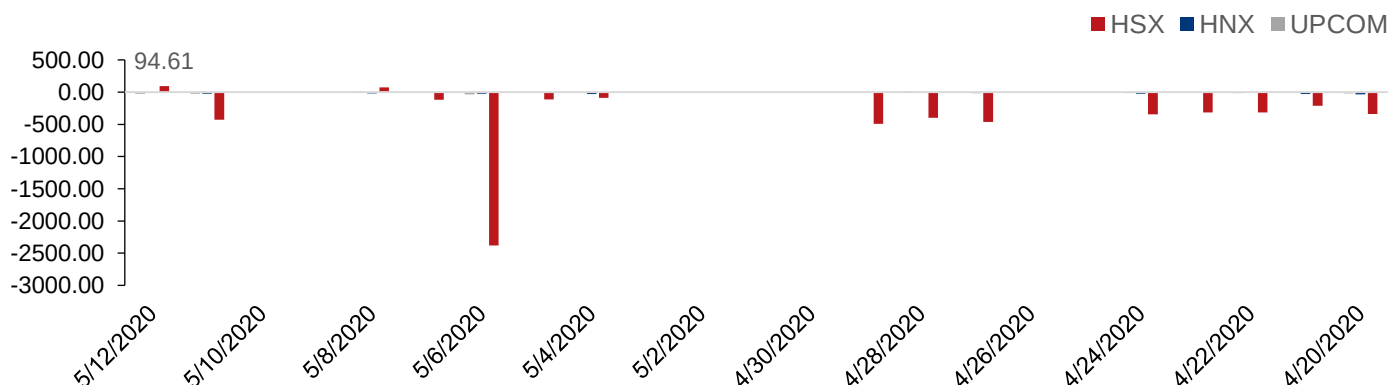
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.00	227700.00
FID	1.00	11.1	0.00	36800.00
PVX	1.00	11.1	0.02	615400.00
MAC	5.50	10.0	0.01	5200.00
MBG	9.00	9.8	0.04	3.16MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNY	1.80	-10.00	0.00	3600.00
NBW	29.10	-9.91	-0.01	3600.00
DL1	11.90	-9.85	-0.06	100.00
TMC	10.20	-9.73	0.00	3300.00
EVS	7.60	-9.52	-0.01	600.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	46.0	3,887	11.8	2.3	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	54.4	4,804	11.3	2.5	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.3	1,583	12.2	1.0	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	21.8	3,780	5.8	1.2	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.3	1,880	7.1	0.7	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	173.5	6,719	25.8	6.5	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	22.6	1,782	12.7	1.6	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	113.9	5,453	20.9	6.6	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.7	1,781	7.1	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.3	8,808	9.5	2.8	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	33.3	6,553	5.1	1.2	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	54.4	4,804	11.3	2.5	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	20.1	2,282	8.8	1.4	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.9	4,465	6.0	1.2	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	93.6	5,046	18.5	3.5	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	23.3	4,313	5.4	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	63.8	5,248	12.2	2.9	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.7	2,117	5.0	0.7	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	179.0	14,782	12.1	4.9	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	10.5	0	15.0	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2m, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tính Lào Cai để xuất tăng lên mức 20%.
Express VHC 2020Q2	20/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI Kế hoạch kinh doanh 2020 (2 kịch bản) Đối với kịch bản tích cực, doanh thu và LNST đạt 8,600 tỷ (+9.3% YoY) và 1,063 tỷ (-9.8% YoY). Đối với kịch bản tiêu cực, doanh thu và LNST đạt 6,450 tỷ (-18% YoY) và 800 tỷ (-32.1% YoY). VHC kỳ vọng sản lượng +15%, ASP giảm làm tổng DT +10% Capex 2020: dự kiến 580 tỷ; Trại cá giống + Mở rộng Collagen (T8.20) + NM đầu cá (205 tỷ); kho lạnh Vĩnh Phước (160 tỷ), xây/cải tạo vùng nuôi (30 tỷ). Bối cảnh chung 2020 tiếp tục là một năm ngành cá tra điều chỉnh sau 2 năm (2017 – 2018) tăng nóng: sản lượng tăng và ASP trung bình năm giảm (1H: ASP thấp; 2H: ASP cải thiện). Tỷ giá có thể biến động ko ổn định trong 2020.
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 60000; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
Express FPT 2020Q2	8/4/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thể mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door – to – door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 125000; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quý.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn